TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2020/HS-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quốc Quy
2. Ông Thiều Hoàng Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Bà Quách Thị Đào-Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2020/TLST-HS, ngày 20 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lâm Trọng T; Sinh ngày 06/5/2003; Nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn T1 và bà Đặng Thị H; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 27/12/2019 được tại ngoại và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Đoàn Ngọc Đ; Sinh ngày 04/01/2000; Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Ngọc M và bà Nguyễn Thị Hồng T1; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/12/2019 đến ngày 27/12/2019 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lâm Trọng T:

- Bà Đặng Thị H, sinh năm 1981, trú tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là mẹ của bị cáo (có mặt).

- Ông Lâm Văn T1, sinh năm 1977, trú tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là cha của bị cáo (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Triệu Du N, Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng, bào chữa cho Lâm Trọng T và Đoàn Ngọc Đ (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Đoàn Ngọc M, sinh năm 1978, trú tại ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968, trú tại số XX, ấp H, thị trấn G, thành phố S, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

- Bà Đặng Thị H, sinh năm 1981, trú tại ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

- Ông Nguyễn Minh T2, là người chứng kiến (vắng mặt)

- Ông Trương Trung H1, là người chứng kiến (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 23/12/2019, Lâm Trọng T sinh ngày 06/5/2003, ngụ ấp A, xã L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng dùng điện thoại di động nhắn tin bằng ứng dụng mạng xã hội Zalo rủ Đoàn Ngọc Đ sinh năm 2000, ngụ ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng hùn tiền mua ma túy để sử dụng, lúc này, T chỉ có 50.000 đồng, T kêu Đ kiếm thêm tiền để có được 200.000 đồng mua ma túy sử dụng nhưng Đ không đồng ý. Khoảng 05 phút sau, T nhắn tin lại cho Đ biết là T đã xin được tiền của mẹ (là bà H) thêm 50.000 đồng, là mỗi người hùn 100.000 đồng và kêu Đ lấy xe chạy qua nhà rước T đi mua ma túy, được Đ đồng ý. Đ liền đi xuống nhà sau thấy những người thân trong gia đình đã ngủ nên Đ lấy xe mô tô biển kiểm soát 61N3-05XX của ông Đoàn Ngọc M (là cha của Đ) điều khiển xe đi qua nhà của T. Khi gặp T, Đ điều khiển xe mô tô chở T đi qua cầu M rồi rẽ trái vào đường lộ đal khoảng 800 mét tới cây cầu đúc (không rõ tên cầu) để mua ma túy. Trên đường đi, T lấy điện thoại gọi cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, ngụ ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng hỏi mua 200.000 đồng ma túy thì C kêu T đi qua cầu. Khi đến nơi, Đ dừng xe ở giữa cầu và lấy 100.000 đồng đưa cho T để góp tiền mua ma túy. Lúc này, Đ đứng ở trên cầu đợi, còn T đi xuống dưới dốc cầu để gặp C, khi gặp nhau T không nói gì mà đưa 200.000 đồng cho C, C đưa gói ma túy cho T, T lấy gói ma túy cầm trong tay rồi đi lên cầu kêu Đ quay xe lại ra về. Khi đi được khoảng 100 mét đến đoạn đường trước cửa nhà ông N1 thuộc địa bàn ấp M, xã N thì gặp Tổ tuần tra của Công an huyện K kết hợp với Công an xã N thực hiện nhiệm vụ tuần tra các tuyến lộ thuộc địa bàn xã N ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra. Khi Đ đang xuất trình giấy tờ cho Tổ tuần tra kiểm tra, T ném gói ma túy đang cầm trên tay ra phía sau và bị Tổ tuần tra phát hiện. Sau đó Tổ tuần tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ, niêm phong tang vật (nghi là ma túy), mời T và Đ về Công an huyện K

làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T và Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng thu giữ: 01 gói nilong màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy; 01 xe mô tô Wave hiệu MIKADO màu xanh, biển kiểm soát 61N3-05XX đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen đã qua sử dụng và số tiền 126.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 117/GĐMT-PC09, ngày 25/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng xác định: "Mẫu tinh thể được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,186 gam, loại Methamphetamine" và hoàn lại sau giám định là 0,1266 gam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Luật sư Triệu Du N bào chữa cho 02 bị cáo T và Đ cho rằng bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, các bị cáo học hành chưa đến nơi đến chốn, hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn phải đi làm thuê; gia đình bị cáo Đ thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo Đ từ nhỏ đến khi phạm tội chỉ được sống với cha, không có mẹ; đối với bị cáo T thì tại thời điểm phạm tội và hiện nay chưa đến 18 tuổi; sau khi phạm tội các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; từ đó đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tình tiết giảm nhẹ để áp dụng mức án khởi điểm thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 02/CT-VKSND-HKS, ngày 19/02/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo Lâm Trọng T và Đoàn Ngọc Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của từng bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Trọng T, xử phạt bị cáo T với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Ngọc Đ, xử phạt bị cáo Đ với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật, đối với gói nilong giám định là ma túy thì tịch thu tiêu hủy, đối với các tài sản khác thì trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với đối tượng Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, ngụ ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là người mà bị cáo T khai nhận đã trực tiếp bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã tiến hành ghi lời khai nhưng chưa đủ căn cứ để buộc Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự về tội

Mua bán trái phép chất ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đang tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Lời nói sau cùng của các bị cáo là đã thấy được hành vi của mình trong việc tàng trữ và sử dụng chất ma túy là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt ông Nguyễn Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng trong suốt quá trình tố tụng từ cơ quan điều tra đến giai đoạn xét xử ông đều vắng mặt; vắng mặt ông Nguyễn Minh T2 và ông Trương Trung H1 là người chứng kiến; xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt đều không yêu cầu hoãn phiên tòa, nên căn cứ vào các Điều 292, 293 và 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; cụ thể là các bị cáo T và Đ thừa nhận đã tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng (trọng lượng) 0,186 gam Methamphetamine để sử dụng, đã bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Xét thấy các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật; chất ma túy mà bị cáo tàng trữ trái phép để sử dụng là Methamphetamine, chất này thuộc Danh mục II *(Danh mục các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)* ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến những quy định độc quyền của nhà nước về quản lý chất ma túy và xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo T và Đ đều là người thực hành. Vì vậy, việc Viện Kiểm sát truy tố ra trước Tòa án để xét xử các bị cáo Lâm Trọng T và Đoàn Ngọc Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

... Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Anphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...".

[4] Nhận định về việc áp dụng hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội là cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội và đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của bị cáo và những người khác nói chung để đảm bảo trật tự an ninh, an toàn xã hội ở địa phương; tuy nhiên cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo để áp dụng và giảm một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu, cụ thể là:

- Đối với bị cáo Lâm Trọng T: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; theo Luật sư bào chữa cho bị cáo phân tích, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn phải đi làm thuê, học hành chưa đến nơi đến chốn; bị cáo phạm tội trong điều kiện sinh sống và giáo dục chưa được đầy đủ; do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy tuy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục, nhưng bị cáo là người chủ động rủ rê bị cáo Đoàn Ngọc Đ thực hiện hành vi phạm tội, nên cần xử phạt hành vi này với mức án là 02 năm tù. Do bị cáo là người chưa thành niên nên được áp dụng thêm các Điều 90, 91, 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo hưởng mức án bằng ba phần tư (3/4) của mức án được ấn định cho hành vi nêu trên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 01 năm 06 tháng tù.

- Đối với bị cáo Đoàn Ngọc Đ: Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hàng ngày bị cáo phải đi làm thuê và việc học hành của bị cáo chưa được đến nơi đến chốn; do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 01 năm 09 tháng tù.

[5] Về vật chứng đang được thu giữ, tạm giữ cần được xử lý như sau:

- Đối với 01 gói nilong được giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng còn lại sau giám định là 0,1266 gam, căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 61N3-0524 do Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu, xét thấy tài sản này hiện do ông Đoàn Ngọc M (là cha của bị cáo Đ) đang trực tiếp quản lý, sử dụng, tuy chưa thực hiện đầy đủ thủ tục sang tên nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng không liên lạc được với chủ sở hữu đứng tên là ông Nguyễn Văn L, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật

Hình sự; khoản 3 và khoản 4 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho người đang trực tiếp quản lý là ông M. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với vật chứng này, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG (màu đen) của bị cáo Lâm Trọng T sử dụng, qua làm việc cho thấy chiếc điện thoại này của chủ sở hữu là bà Đặng Thị H (là mẹ của bị cáo T) cho bị cáo T mượn sử dụng tạm, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bà H.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu REDMI (màu đen) của bị cáo Đoàn Ngọc Đ sử dụng và vừa là chủ sở hữu, xét thấy đây không phải là công cụ phương tiện phạm tội, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Đ.

- Đối với số tiền 126.000 đồng được thu giữ trên người của bị cáo Đoàn Ngọc Đ lúc phạm tội, xét thấy đây không phải là do phạm tội mà có, nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Đ.

[6] Về án phí: Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đối với bị cáo Đoàn Ngọc Đ là cá nhân thuộc hộ nghèo, nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nói trên và có Đơn xin miễn án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Trọng T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 90, 91, 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Trọng T 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt thi hành án, và thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ trước đây *(từ ngày 24/12/2019 đến ngày 27/12/2019)* được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 38, 17, 58 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc Đ 01 *(Một)* năm 09 *(Chín)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng (theo biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 24/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K):

3.1. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 gói nilong được giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng còn lại sau giám định là 0,1266 gam.

3.2. Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 và khoản 4 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 61N3-0524 do Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu, cho người đang trực tiếp quản lý là ông Đoàn Ngọc M; trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG (màu đen) cho bà Đặng Thị H; trả lại 01 điện thoại di động hiệu REDMI (màu đen) và số tiền 126.000 đồng cho bị cáo Đoàn Ngọc Đ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lâm Trọng T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Ngọc Đ số tiền 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, theo quy định tại các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo và đương sự trong vụ án
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu